

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Ngọc

2. Bà Lý Thị Thu Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Châu Ngọc P**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **ấp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.**

- Bị đơn: Ông **Lê Đình T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: **ấp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.**

Nguyên đơn bà **P** có mặt, bị đơn ông **T** vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn bà **Châu Ngọc P** trình bày: Bà và ông **Lê Đình T** có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã **V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang** vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không

thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông **T**.

- Về con chung: Có 01 con chung **Lê Thị Mỹ Đ** (giới tính: Nữ), sinh ngày 26/11/2006. Hiện nay, con chung đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông **Lê Đình T**: Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Nhưng ông **T** không đến Tòa án để có ý kiến trình bày.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà **P** giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; bị đơn ông **T** vắng mặt không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà **Châu Ngọc P** khởi kiện ông **Lê Đình T** có địa chỉ cư trú tại **ấp F, xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang**; bà **P** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông **T** ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông **T** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật tại Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **P** và ông **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang** vào năm 2011 đúng theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà **P** cho rằng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi; đối với bị đơn ông **T** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến để trình bày ý kiến cũng như để Tòa án hòa giải hàn gắn, cho thấy ông **T** đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của bà **P** và ông **T** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên chấp nhận cho bà **P** ly hôn ông **T** là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung **Lê Thị Mỹ Đ** (giới tính: Nữ), sinh 26/11/2006. Xét, hiện nay cháu **Đ** đang sống với bà **P** và có nguyện vọng được sống với mẹ (bà **P**), ông **T** không có ý kiến gì về con chung. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu **Đ** cho bà **P** tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông **T** không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những căn cứ trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà P phải chịu 300.000đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002163 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Ngọc P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Ngọc P ly hôn với ông Lê Đình T.
2. Về con chung: Giao con chung Lê Thị Mỹ Đ (giới tính: Nữ), sinh ngày 26 tháng 11 năm 2006 cho bà Châu Ngọc P nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lê Đình T không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Châu Ngọc P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được chuyển 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002163 ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Châu Ngọc P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Lê Đình T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp Vị Thanh;
- Cơ quan THADS Tp Vị Thanh;
- UBND xã Vị Tân, Tp Vị Thanh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị P1